

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HS-ST
Ngày: 27-11-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

Ông La Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2019/HSST ngày 17 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST – HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Hồng N, sinh năm 1994, tại Nghệ An; nơi cư trú: ấp B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hồng L và bà Bùi Thị T; tiền án: không, tiền sự: ngày 04-11-2014, bị Công an thành phố M xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 14/HSST-LCCT ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng; có mặt.

- Bị hại: Chị Trần Thị C, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Chị Ngô Thị Kiều T, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 05-7-2019, Đặng Châu T chở Đỗ Hồng N đến nhà anh Nguyễn Quang D tại ấp B, xã N chơi. Khi đến, T và N thì thấy anh D đang tổ chức uống rượu cùng với chị C và anh P (không rõ lai lịch), T và N vào uống rượu chung. Đến 23 giờ 00 phút cùng ngày, T chở N về nhà N. Lúc này, N không vào nhà mà đi bộ quay lại nhà anh D để mượn tiền đi chơi. Khi đến nhà anh D, N không thấy ai nên đi vào sân và thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Attila Elizabeth màu đỏ, biển số 93P1-517.17 của chị C nên N nảy sinh ý định lấy xe đi cầm để có tiền tiêu xài. N mở chìa khóa xe có sẵn trên xe và chạy theo đường DT749A về hướng Quốc lộ 13 đi thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Đến khu công nghiệp Mỹ Phước III, N dừng lại tại bãi đất trống và mở cốp xe thì thấy bên trong có số tiền 8.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung C9 Pro và một số giấy tờ khác. Do thấy có tiền nên N không còn ý định cầm xe nữa mà lấy 8.000.000 đồng bỏ vào túi quần còn điện thoại cầm trên tay để sử dụng. Trong lúc điều khiển xe, N làm rơi điện thoại xuống đất vỡ màn hình nên bỏ lại vào cốp xe và tiếp tục điều khiển xe đến thành phố Thủ Dầu Một. N tiêu xài hết 1.500.000 đồng. Đến 19 giờ ngày 06-7-2019, N gọi điện cho ông Đỗ Hồng L (cha của N) xuống chở N về nhà. Ngày 10-7-2019, N trình bày sự việc cho cha mẹ N biết. Sau đó cha mẹ N đã gọi điện cho anh D trình bày sự việc. Chiều 10-7-2019, N cùng cha mẹ đem xe mô tô, điện thoại di động và 8.000.000 đồng đến nhà anh D để trả cho chị C. Đối với chị C, sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô và tài sản trong xe đã làm đơn trình báo với Công an xã N. Khi N cùng cha mẹ đến trả tài sản cho chị C thì Công an đã lập biên bản thu giữ tang vật do N giao nộp gồm: 01 xe mô tô hiệu Attila Elizabeth màu đỏ, biển số 93P1- 51717 số khung: RLGKA12XDDD002755, số máy: VMVTBE-D002755, 01 điện thoại di động hiệu Samsung C9 Pro, 8.000.000 đồng và một số giấy tờ liên quan.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 151/KL-HĐĐG ngày 07-8-2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, loại C9 pro đã qua sử dụng định giá là 2.500.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Attila Elizabeth màu đỏ, biển số 93P1-517.17, số khung RLGKA12XDDD002755, số máy VMVTBE-D002755 xe đã qua sử dụng định giá là 9.000.000 đồng. Tổng cộng tài sản định giá là 11.500.000 đồng.

Đối với 8.000.000 đồng và một số giấy tờ kèm theo là tài sản của chị Trần Thị C. Ngày 10-7-2019, Công an xã N đã lập biên bản giao trả tang vật phương tiện trả lại cho chị C.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung, loại C9 pro bị vỡ màn hình; Trong quá trình điều tra thì 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Attila Elizabeth màu đỏ, biển số 93P1-517.17, số khung RLGKA12XDDD002755, số máy VMVTBE-D002755 do chị Ngô Thị Kiều T trú tại ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Bình Phước đứng tên, chị C đã mua xe nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 28-9-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng ra Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số: 42/QĐ giao trả điện thoại di động và xe mô tô nói trên cho chị Trần Thị C.

Ngày 10-8-2019, Đỗ Hồng N đã bồi thường 10.000.000 đồng do làm vỡ điện thoại của chị C, chị C không có ý kiến gì và đã làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự cho N. Số tiền 1.500.000 đồng N tiêu xài của chị C và số tiền bồi thường 10.000.000 đồng là N mượn của bà Bùi Thị T. Bà T không yêu cầu N trả lại số tiền trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như đã nêu trên, không có ý kiến gì về kết luận giám định, quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đỗ Hồng N với tội danh như trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 12 đến 14 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo bồi thường cho bị hại là của bà Bùi Thị T (mẹ của bị cáo) cho bị cáo mượn, bà T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên.

Về xử lý vật chứng: Ngày 10-7-2019, Công an xã N đã giao trả số tiền 8.000.000 đồng và một số giấy tờ kèm theo là tài sản của chị C. Ngày 28-9-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng ra Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số: 42/QĐ giao trả điện thoại di động và xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Attila Elizabeth màu đỏ, biển số 93P1-517.17 cho chị C.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như sau: ngày 05-7-2019, Đỗ Hồng N đã có hành vi lén lút lấy xe mô tô hiệu SYM, loại Attila Elizabeth màu đỏ, biển số 93P1-517.17 của chị Trần Thị C cùng tài sản trong xe là 8.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung loại C9 pro. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 19.500.000 đồng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã có 01 tiền sự về hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy” bị Công an thành phố M, tỉnh Bình Dương ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 433/QĐ-VPHC-CATP ngày 04-11-2014 và chưa chấp hành quyết định.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về mức hình phạt là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, đối với tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h là “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” là không có cơ sở vì hậu quả vật chất do hành vi phạm tội đã xảy ra trên thực tế, bị cáo đã lấy được tài sản của bị hại, việc thu hồi giao trả lại tài sản trong quá trình điều tra thì không thuộc trường hợp “chưa gây thiệt hại”. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn được hưởng tình tiết là “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại” và “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo bồi thường cho bị hại trong quá trình điều tra là của bà Bùi Thị T cho bị cáo mượn, bà T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Việc trả lại tài sản gồm số tiền 8.000.000 đồng cùng một số giấy tờ kèm theo, 01 điện thoại di động hiệu Samsung loại C9 pro và 01 xe mô tô hiệu SYM, loại Attila Elizabeth màu đỏ, biển số 93P1-517.17 cho chủ sở hữu hợp pháp chị Trần Thị C là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106, khoản 4 Điều 123, pĐiều 136, Điều 260, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Đỗ Hồng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Hồng N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm đi chấp hành án phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV27);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THA huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Ngân